

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2018/DS-ST

Ngày: 20-3-2018

V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và
Hợp đồng góp hụi.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Chung**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Thượng**;

2. Ông **Nguyễn Minh Tuấn**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Văn Cương**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Vĩnh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 313/2017/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2017/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị M**, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: Tổ 6, ấp T Q, xã T Đ, huyện T C, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: Tổ 4, ấp T Q, xã T Đ, huyện T C, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Dương Thị Ng**, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: Tổ 4, ấp T Q, xã T Đ, huyện T C, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: Tổ 4, ấp T Q, xã T Đ, huyện T C, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 10/11/2017 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị M trình bày:

Ngày 16/11/2016, bà có cho vợ chồng bà Ng, ông L vay số tiền 30.000.000 đồng, có làm giấy do bà viết, bà Ng và ông L cùng ký tên, lãi suất thỏa thuận 6%/tháng, nhưng không ghi vào giấy nợ. Khi vay bà Ng có nói vay để cho con gái tên L mua máy giặt mũ tạp. Ngoài ra, bà có tham gia góp nhiều dây hụi do bà Ng làm chủ thảo và đều được lãnh hụi ở kỳ cuối cùng nhưng khi đăng hụi, mỗi dây hụi bà Ng đều tự ý bớt lại một phần với tổng số tiền là 67.000.000 đồng, bà Ng nói là mượn đỡ một tháng cho con gái tên L mua máy giặt mũ tạp. Bà Ng tự ý làm vậy nên lúc đầu bà cũng có phản ứng nhưng sự việc đã lỡ bà đành phải chấp nhận. Cùng ngày 16/11/2016, bà Ng tự thừa nhận nợ bà 67.000.000 đồng tiền hụi nói trên nhưng không làm giấy, bà Ng tự cộng với 30.000.000 đồng tiền vay thành 97.000.000 đồng, hẹn đến ngày 13/01/2017 sẽ trả hết cho bà, ông L cũng có mặt chứng kiến. Từ ngày 16/11/2016 đến ngày 13/01/2017 bà Ng không trả cho bà số tiền gốc và lãi nào.

Đến ngày 13/01/2017, bà đến đòi tiền thì bà Ng có nói con gái bà Ng có đưa 97.000.000 đồng để trả cho bà nhưng bị cướp nên không có tiền trả cho bà. Bà Ng có hẹn qua tết Nguyên đán năm 2017, khi con gái bà Ng cho hoạt động cơ sở giặt mũ tạp sẽ trả tiền cho bà nhưng cũng không trả. Đến cuối tháng 02 năm 2017 (bà không nhớ cụ thể ngày nào), bà đến nhà bà Ng đòi nợ thì có gặp chị L. Chị L có hỏi bà Ng nợ bà bao nhiêu tiền, bà Ng trả lời nợ 97.000.000 đồng. Chị L tự hỏi bà để chị L trả số tiền này cho bà có được không thì bà đồng ý và đề nghị chị L viết giấy nhận nợ. Chị L tự tay viết giấy nhận nợ 97.000.000 đồng, hẹn đúng ngày 30 mỗi tháng sẽ trả góp 3.000.000 đồng, thời hạn bắt đầu trả kể từ ngày 30/3/2017. Sau khi làm giấy chị L có nói với bà là đừng đòi tiền bà Ng nữa mà đòi tiền trực tiếp chị L. Ngày 30/3/2017, chị L trực tiếp đến nhà bà trả 3.000.000 đồng, 03 tháng sau chị L cũng trả mỗi tháng 3.000.000 đồng nhưng giao cho bà Ng trả thay. Như vậy, chị L chỉ trả cho bà được 12.000.000 đồng, còn nợ lại 85.000.000 đồng thì không trả nữa nên bà mới khởi kiện chị L. Bà không thừa nhận việc bà Ng có trả cho bà số tiền 9.000.000 đồng.

Nay bà chỉ yêu cầu chị L trả cho bà số tiền 85.000.000 đồng. Bà không yêu cầu tính lãi và không yêu cầu chồng chị L cùng có nghĩa vụ trả cho bà số tiền này. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị là con của bà Ng và ông L. Chị không vay tiền và nợ tiền hụi của bà M. Tuy nhiên, trước ngày 30/3/2017 khoảng một tháng, tại nhà mẹ chị, khi đó mẹ chị không có ở nhà vì đang điều trị tại bệnh viện, bà M có qua đòi tiền nên chị có viết Giấy nhận nợ trả giúp mẹ chị số tiền 97.000.000 đồng. Thời hạn trả bắt đầu từ ngày 30/3/2017, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng. Sau khi viết giấy nhận nợ thì chị đã trả cho bà M được 04 tháng với số tiền 12.000.000 đồng thì ngưng do mưa bão, không có thu nhập nên chị không có khả năng trả. Bà M có kiện chị tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Đông, huyện

Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Tại đây, bà M cũng yêu cầu chị trả cho bà M số tiền 97.000.000 đồng. Sau đó, thì bà M khởi kiện chị tại Tòa án. Tính đến nay thì chị đã trả cho bà M được 12.000.000 đồng.

Nay chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà M. Đây là số nợ của cha mẹ chị nên chị yêu cầu chuyển số nợ này lại cho cha mẹ chị. Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Ng trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của con bà là chị L. Số tiền 97.000.000 đồng mà bà M khởi kiện chị L là nợ của vợ chồng bà. Do ông bà không có khả năng trả nợ nên con gái bà tự nguyện nhận trả nợ thay. Sau khi chị L viết giấy nhận nợ thì chị L đã trả cho bà M được 04 tháng với số tiền 12.000.000 đồng. Về phần bà có trả cho bà M được 9.000.000 đồng. Như vậy, bà và chị L đã trả được cho bà M 21.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại 76.000.000 đồng.

Nay bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà M. Nếu bà M kiện vợ chồng bà thì vợ chồng bà đồng ý trả cho bà M số tiền 76.000.000 đồng còn lại. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L trình bày:

Số nợ mà bà M kiện con gái ông là số nợ của vợ chồng ông, cụ thể như sau: Vào ngày 16/11/2016, vợ chồng ông có vay của bà M số tiền 30.000.000 đồng, có làm giấy do vợ chồng ông cùng ký tên, lãi suất thỏa thuận 6%/tháng, mục đích vay để trồng mì trên đất mướn, hạn đúng một tháng sau trả. Sau đó, vợ chồng ông có trồng mì nhưng bị thua lỗ. Ngoài ra, vợ ông có làm thảo hụi, bà M có tham gia góp hụi với vợ ông, sau khi tính toán thì vợ ông còn nợ bà M 67.000.000 đồng tiền hụi, cộng với 30.000.000 đồng tiền vay thành 97.000.000 đồng. Vào tối ngày 15/01/2017 vợ ông có đem số tiền 97.000.000 đồng trả cho bà M nhưng bị cướp nên đến nay cũng chưa có tiền trả cho bà M. Sau đó, bà M đến nhà ông đòi nợ nhiều lần nên bắt đắc dĩ con gái ông mới đứng ra nhận trả nợ thay cho vợ chồng ông và ông cũng đồng ý. Sau khi nhận trả nợ thay, chị L có trả cho bà M được 12.000.000 đồng thì ngưng. Trước đó, vợ ông có trả cho bà M 9.000.000 đồng, đưa làm 03 lần trong khoảng thời gian 01 tháng, vợ ông không làm giấy nhưng bà M có ghi vào sổ của bà M. Như vậy, đến nay vợ chồng ông và con gái ông đã trả cho bà M được 21.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại 76.000.000 đồng và đây là số nợ của vợ chồng ông.

Nay ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà M. Nếu bà M kiện vợ chồng ông thì ông đồng ý trả cho bà M số tiền 76.000.000 đồng còn lại. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì khác.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 370, 463, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M. Buộc chị L có nghĩa vụ trả lại cho bà M số tiền 85.000.000 đồng. Ghi nhận bà M không yêu cầu tính lãi và không yêu cầu chồng chị L cùng có nghĩa vụ trả số tiền trên.

+ Buộc chị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa, bà M yêu cầu chị L trả cho bà số tiền 85.000.000 đồng. Chị L không đồng ý trả cho bà M số tiền trên.

Xét yêu cầu này của bà M thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, bà Ng và ông L đều thừa nhận ông bà có nợ bà M 30.000.000 đồng tiền vay và 67.000.000 đồng tiền hui, tổng cộng là 97.000.000 đồng. Ngoài ra, chị L, bà Ng và ông L đều thừa nhận có việc chị L nhận trả nợ thay cho ông bà; chị L có làm giấy nhận nợ cho bà M và chị L có trả góp cho bà M được 04 tháng với tổng số tiền 12.000.000 đồng nên căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử công nhận các tình tiết này là sự thật.

Như vậy, việc chị L nhận trả nợ thay cho bà Ng, ông L đều được các bên đồng ý và đã thực hiện trên thực tế được một phần nghĩa vụ. Việc chị L nhận trả nợ thay cho bà Ng, ông L đã có giá trị thực thi nên nghĩa vụ trả lại số tiền nợ còn lại cho bà M là nghĩa vụ của chị L theo quy định tại Điều 370 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Việc chị L từ chối thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà M là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Bà Ng cho rằng đã trả thêm cho bà M được 9.000.000 đồng nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho việc có trả số tiền trên nên Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày này của bà Ng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà M là có căn cứ chấp nhận. Cần buộc chị L có nghĩa vụ trả lại cho bà M số tiền 85.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Ghi nhận bà M không yêu cầu tính lãi và không yêu cầu chồng chị L cùng có nghĩa vụ trả lại cho bà số tiền nói trên.

[2] Về án phí: Căn cứ các Điều 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, lệ phí Tòa án: Buộc chị L phải chịu 4.250.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn trả cho bà M 2.125.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 370, 463, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M đối với chị Nguyễn Thị L về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng góp hui.

Buộc chị Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả lại cho bà Lê Thị M số tiền 85.000.000 (tám mươi lăm triệu) đồng. Ghi nhận bà Lê Thị M không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày người được thi hành án bà Lê Thị M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chị Nguyễn Thị L không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án chị Nguyễn Thị L còn phải trả cho người được thi hành án bà Lê Thị M số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị L phải chịu 4.250.000 đồng (bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Lê Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà Lê Thị M 2.125.000 (hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0024855 ngày 13/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho cho các đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

Nguyễn Thành Chung